

BẢN NĂNG, VĂN HOÁ VÀ NHÂN CÁCH

HỒ BÁ THÂM^(*)

I. Bản năng và văn hoá

Bản năng và văn hoá là vấn đề hết sức quan trọng, có thể coi như một cặp phạm trù, một quan hệ tất yếu phổ biến trong quá trình tiến hoá, tha hoá và phát triển của con người, của nhân cách, có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc. Tuy nhiên, việc nghiên cứu vấn đề này còn chưa thực sự sâu và chưa có hệ thống.

Trong *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (chuẩn quốc gia) xuất bản năm 2001 mới chỉ phân tích hành vi lao động sản xuất của con vật lên hành vi lao động sản xuất phổ biến của con người – tức từ bản năng sinh vật lên bản năng xã hội (bản năng có ý thức) (1, tr.609-615). Còn vấn đề bản năng và văn hoá với tư cách là một cặp phạm trù chưa được phát hiện và phân tích một cách sâu sắc. Các công trình nghiên cứu về văn hoá học cũng chỉ mới khẳng định rằng, bản năng là cái “vốn có” gắn với sự sống, là cái tự nhiên, không phải là văn hoá, con người cũng như con vật đều có, và “văn hoá là sự chế ngự bản năng”. Đối với con vật thì bản năng là cái thống trị, còn ở con người thì văn hoá là cái chủ đạo, nó điều hoà bản năng và cơ chế xã hội (2, tr.23-24). Nhưng vấn đề cần nghiên cứu là ở chỗ, văn hoá (xã hội) và bản năng có chuyển hoá qua lại hay không.

Có thể khẳng định, ở con người có bản năng sinh vật và bản năng xã hội.

Đôi khi có sự hoà nhập giữa chúng, tức là có sự chuyển hoá, khó phân biệt rạch ròi.

Bản năng hay phản xạ bản năng thường là phản xạ tự động từ hệ thần kinh như đói thì thèm ăn, khát thì thèm uống. Bản năng này là bản năng sinh vật. Bản năng là vốn có, có khả năng di truyền nên là “thói quen”, nhưng thói quen thì không hẳn là bản năng mà chỉ gần như bản năng. Thói quen là do tập luyện mà thành. Trong đời sống xã hội, thói quen do xã hội tạo nên mang tính rộng lớn hơn, ở chiều sâu văn hoá xã hội và tác động lâu dài thành tập tính xã hội (bản năng xã hội, bản năng văn hoá, hằng số văn hoá). Tập tính có khả năng “di truyền xã hội, di truyền văn hoá” (2, tr.23-24).

Như vậy, bản năng xã hội khác bản năng sinh vật không chỉ ở tính chất mà còn ở cả nguồn gốc hay độ bền vững. Việc phân biệt bản năng sinh học và bản năng xã hội để tìm ra cái khác và cái chung gắn liền với nhau là rất cần thiết. Bản năng xã hội hay bản năng văn hoá (tập tính, lối sống, nếp sống) có thể gọi tắt là văn hoá.

Bản năng xã hội bắt nguồn từ bản năng sinh vật, chứ không phải hình thành từ con số không hay tồn tại ngoài bản năng. Chẳng hạn, lao động sản xuất của con người là phát triển nhảy vọt từ “hoạt động sản xuất” thô sơ của động

^(*) TS., Nghiên cứu viên cao cấp.

vật bậc cao. Bản năng quần xã của động vật dần trải qua lao động thì tính xã hội mới xuất hiện ở loài người. Marx và Engels cho rằng “bản năng xã hội là một trong những đòn bẩy quan trọng nhất của sự phát triển của con người từ khi”. Bản năng xã hội đó dù là lao động hay tập tính quần xã thì nó là “vốn di truyền” đã được xây dựng trong sự tiến hoá từ tổ tiên loài vượn hay loài người. Bản năng sinh vật “bị thu hút và hội nhập vào bản năng xã hội” (1, tr.609-615), tức là bản năng sinh vật bị xã hội hoá nhưng nó không mất đi. “Về mặt tâm lý, lao động cải tạo bản năng trên hai bình diện: bình diện đè nén, kìm hãm bản năng (...) và bình diện cải tạo bản năng thành trạng thái mới về chất của hoạt động nhận thức thuần túy của con người: trực giác” (3).

Nhưng chỉ có bản năng xã hội thì con người mới có khả năng hướng về tương lai, vượt khỏi giới hạn sinh vật, có khả năng thích nghi, sáng tạo ra cái bản năng mới – thiên nhiên thứ hai, từ quá khứ, từ bản năng sinh vật nhưng cao hơn bản năng sinh vật. Bản năng đó cố kết lại là bản sắc văn hoá dân tộc trong các tộc người và được thể hiện ở từng cá nhân. Nguồn gốc của bản sắc đó, chi phối và cũng in dấu vào bản sắc đó là ba nguyên lý không tách rời nhau: *nguyên lý cùng cội nguồn - cùng dòng máu, nguyên lý cùng chỗ ở, sau cùng là nguyên lý cùng lợi ích* (theo GS. Trần Quốc Vượng, xem: 2).

Như vậy, bản năng văn hoá phát triển trên nền tảng bản năng sinh vật và thực tiễn xã hội cũng như môi trường sống. Nói cách khác, bản năng xã hội nhập vào bản năng sinh vật và nâng bản năng sinh vật lên bản năng người.

Tất cả hai loại bản năng sinh vật và bản năng xã hội đều thuộc về bản chất con người, không thể tách rời. Khi đề cập đến bản chất hàng 1 (sinh vật) và bản chất hàng 2 (xã hội) ở con người, GS. Trần Đức Thảo cũng có nhận định tương tự, nhưng nhìn theo phương pháp cấu trúc trên dưới trong quá trình tiến hoá bản chất con người như tiến hoá địa chất (xem: 5, tr.125-133).

Bản năng xã hội của con người, ví dụ như ý thức lao động, ngôn ngữ, giao tiếp..., là dựa trên những phản xạ có điều kiện, nhưng nó được mã hoá vào gen văn hoá (di truyền) hay thậm chí ảnh hưởng thành thói quen trong gen tự nhiên sinh học. Bản năng xã hội là bản năng do tác động bên ngoài tạo nên, thành phản xạ tự nhiên của cơ thể. Tuy bản năng xã hội vẫn là bản năng sinh học nhưng là có ý thức (ý thức trong sinh hoạt). Không có bản năng sinh vật thì không có bản năng xã hội. Tuy vậy, vẫn cần khẳng định rằng bản năng xã hội không hoàn toàn đồng nhất với phản xạ có điều kiện.

Con người bao giờ cũng mang theo bản năng, bản năng tồn tại trong con người, từ bản năng sinh vật thuần túy, nó trở thành bản năng người khi thông qua môi trường xã hội, môi trường văn hoá trong hoạt động của con người. Cũng như vậy, không có hoạt động người lại phi sinh vật, phi cơ thể và cơ năng của nó. Nó không thể tiêu diệt bản năng sinh vật mà chỉ có thể hạn chế mà thôi. Vì vậy, văn hoá là sự chế ngự, điều khiển bản năng.

Nhưng lẽ nào bản năng không tác động gì đến văn hoá? Không nên hiểu giản đơn rằng, bản năng là cái bất biến, không thể thay đổi, dù là bản năng sinh

vật hay bản năng xã hội. Những bản năng nào mang tính qui luật thì ít thay đổi, nhưng có những hành vi “bản năng” (chính xác hơn là có tính bản năng) do thói quen (phản xạ) mà làm thay đổi cơ chế sinh học bình thường. Bản năng là cái có thể di truyền, cái không di truyền không phải là bản năng.

Cơ chế văn hoá xã hội và bản năng văn hoá cũng có khi bị “trục trặc”, khủng hoảng, lão hoá, gây ra những cú sốc xã hội. Phải dần dần nó mới ổn định, phát triển theo cái mới dưới tác động của bản năng có ý thức. Đổi mới tư duy, cải cách hay cách mạng xã hội là vượt qua thời kỳ rối loạn ấy, khắc phục cái bản năng sinh vật và vô thức cộng đồng.

Như vậy, cần hiểu cho rõ bản chất, đặc điểm và các biểu hiện, loại hình của bản năng với tính đa dạng của nó và cái trung gian giữa bản năng và văn hoá, nhân cách.

Con người có bản chất (bản năng) vốn có là thiện hay ác, hay không ác không thiện, hay vừa thiện vừa ác? Thiện, ác là bản năng sinh vật hay bản năng xã hội? Bản năng dù là cái vốn có cũng được sinh ra từ quan hệ với cái khác chứ không hoàn toàn là “tiên thiên”.

Nhiều tôn giáo chỉ thấy được mặt xấu của bản năng (ác) và cố giải thoát khỏi nó. Nhưng phải nhìn nhận được rằng, đó là một phần đời, nếu không có nó sẽ còn gì để bàn về đạo (thiện). Không có bản năng, con người không thể tồn tại. Tuy bản năng có thể hạ thấp con người xuống hàng động vật, vì nó cũng vốn có như bản năng động vật, nhưng chính thông qua xã hội, con người đã nâng bản năng động vật lên hàng bản năng người (là hiện thực

nhưng vẫn mang tính khả năng). Nhân cách con người từ đó mà ra.

Bản năng nào có ý thức và nhằm vào thoả mãn theo hướng chân-thiện-mỹ thì mới là bản năng văn hoá (hành động theo quy luật của cái đẹp). Như vậy, bản năng sinh vật và bản năng xã hội là trung tính, tùy theo giới hạn, phạm vi và tính chất cụ thể mà nó là bản năng xấu hay bản năng tốt, có tính văn hoá hay không.

Bản năng và văn hoá, hay bản năng và nhân cách, có thể chuyển hoá lẫn nhau. Đó là một nguyên lý triết học cần được hiểu ở tầm của chủ nghĩa duy vật nhân văn: tầm con người, tầm giải phóng con người.

Không nên hiểu sự chuyển hoá nói trên một cách đơn giản, thông thường theo kiểu logic hình thức, mà phải bằng tư duy biện chứng. Theo đó, ta nhận thấy bản năng và văn hoá là một cặp phạm trù, một mâu thuẫn biện chứng vì chúng làm tiền đề cho nhau, xâm nhập lẫn nhau, cái nọ thành cái kia và ngược lại.

Nhưng quá trình tiến hoá, tha hoá và phát triển bản chất của con người chính là xã hội hoá, văn hoá hoá, nhân tính hoá và nhân cách hoá bản năng để thành người ngày càng trọn vẹn. Ví dụ, một thanh niên bình thường, có nhân cách, song khi đã rơi vào vũng bùn ma tuý hay phạm tội là suy thoái, tha hoá nhân cách thành hành vi thú tính, tức bản năng sinh vật. Nhưng nếu họ được cải tạo, được giáo dục để phục hồi nhân cách và nhân tính thì cũng là chuyển từ bản năng sang văn hoá, sang nhân cách.

Trong thực tiễn, có những người tha hoá về đạo đức, lối sống, về tư tưởng

chính trị, tôn giáo hay tha hoá trong lao động. Đó là những tha hoá bản chất người, dù với những hình thức, sắc thái và có tính lịch sử rất khác nhau. Nói cách khác, đó là sự tha hoá từ văn hoá sang bản năng, hơn nữa là bản năng xấu, bản năng phi văn hoá, phi nhân tính-nhân cách (bản năng có 2 nghĩa: nghĩa tự nhiên-trung tính và nghĩa xấu-tiêu cực). Ví dụ, việc một cán bộ của Đảng và Nhà nước ta từ tận tụy, trung thực bị suy thoái, tha hoá về đạo đức, trở thành kẻ tham nhũng do lòng tham chi phối, cũng coi như mất dần lý trí lành mạnh, chỉ còn ham muốn vật chất. Đó chính là sự chuyển hoá từ văn hoá, nhân cách sang bản năng thú tính. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận định rằng, có kẻ hôm qua là vĩ đại, được nhân dân tôn kính nhưng hôm nay có thể không còn vĩ đại nữa, thậm chí bị nhân dân khinh bỉ, nếu họ bị khuất phục bởi tiền tài, địa vị và sắc đẹp, không rèn luyện bản thân nên mất hết nhân-trí-dũng.

Tại sao chúng ta lại e ngại, không thừa nhận sự chuyển hoá ngược lại này, xét về mặt nguyên lý? Không thừa nhận là do không hiểu hay phủ nhận tính quy luật của khả năng của phép biện chứng phức tạp, tinh tế trong bản chất người như một mâu thuẫn âm-dương của sự tiến hoá? Mà ở đây không chỉ thể hiện quan hệ giữa bản năng sinh vật và bản năng xã hội, giữa bản năng và văn hoá, giữa con vật và con người. Trong con người, con người bản năng và con người xã hội có thể chuyển hoá lẫn nhau trong quá trình hiện thực hoá, tiến hoá bản chất người. Nhưng cái này là tiền đề của cái kia. Phải thông qua lao động và đấu tranh mới có sự chuyển hoá ấy. Không ở trong môi trường xã hội, không học tập và rèn luyện, không lao động và đấu

tranh vì lẽ phải thì “người” lại thành “con”! Xu hướng chủ đạo, phổ biến, mạnh hơn là văn hoá hoá bản năng, là con thành người. Nhưng có khi bản năng lại thắng văn hoá; có khi văn hoá xâm nhập vào bản năng sinh vật, ghi vào bản năng sinh vật (tập quán, vô thức cộng đồng) để trở thành bản năng văn hoá (bản sắc văn hoá, hệ thống giá trị, gen văn hoá, di truyền văn hoá). Khi nói bản năng văn hoá nghĩa là đồng nhất bản năng và văn hoá, không còn phân biệt, chúng chuyển hoá lẫn nhau để đi đến thống nhất, theo cách nói của Lenin về sự chuyển hoá các mặt đối lập.

Nếu hiểu nhân cách chỉ là cái bên ngoài con người, tức môi trường xã hội chuyển hoá vào con người (con người là sản phẩm của hoàn cảnh) mà không hiểu bản năng, sự kết hợp cả hoàn cảnh và bản năng trong hoạt động của con người, thì không thể hiểu được sự hình thành con người và nhân cách con người.

Chính bản năng sinh vật và bản năng xã hội (văn hoá) hình thành nên nhu cầu sinh vật và nhu cầu xã hội (văn hoá) trong quá trình đáp ứng, thoả mãn nhu cầu - động cơ thúc đẩy hành động cũng chính là quá trình hình thành nên nhân cách. Quá trình hình thành nhân cách cũng chính là quá trình văn hoá làm chủ bản năng – văn hoá hoá bản năng ở từng con người với tư cách là chủ thể ý thức về bản thân mình trong quan hệ với xã hội, với người khác. Với ý nghĩa đó, bản năng biến thành nhân cách thông qua các khâu trung gian và những điều kiện nhất định. Nhưng nhân cách đã hình thành không phải là bất biến, nếu thiếu điều kiện nào đó (môi trường tốt, sự rèn luyện tích cực

của bản thân...) thì nhân cách sẽ bị thoái hoá, trở lại bản năng, biến thành bản năng. Dù xu hướng bản năng chuyển hoá thành nhân cách là chính, phổ biến, chủ đạo, nhưng không nên mất cảnh giác với khả năng nhân cách cũng có thể bị mất, trở về đời sống bản năng, từ đó mất nhân tính khi bản năng sinh vật hoàn toàn thống trị.

Khi không nhận thấy và quan tâm đến chiều sâu của sự chuyển hoá biện chứng, hai chiều nói trên, khi hiểu một chiều bản năng và văn hoá là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau, xa lạ với nhau, hoặc chỉ thấy một chiều xấu hoặc tốt, thì sẽ thiếu công cụ phương pháp luận biện chứng để phân tích sự tồn tại bản chất người và các sự chuyển hoá bản chất người cụ thể: sự hoàn thiện hoặc tha hoá nhân cách, văn hoá và phản văn hoá.

II. Tha hoá và khủng hoảng nhân cách ở nước ta hiện nay: thực trạng và nguyên nhân

Khi chuyển sang phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và mở cửa hội nhập, nước ta quả đã có một bước dài tiến bộ về kinh tế, xã hội và phát triển con người. Nhưng trước mắt chúng ta cũng đang đặt ra khá nhiều vấn đề mới khá phức tạp, nhất là vấn đề tha hoá, khủng hoảng nhân cách trên nhiều phương diện liên quan tới quan hệ giữa bản năng và văn hoá trong từng môi trường xã hội.

Về khái niệm tha hoá trong đạo đức, lối sống:

Trước đây, ví như thời của Pheuerbach, khái niệm tha hoá chỉ có ý nghĩa trong tôn giáo. Người ta coi tôn giáo là sự tha hoá bản chất con người thành bản chất thần thánh, cuộc sống

trần gian bị tha hoá thành cuộc sống thiên đường hư ảo.

Hoặc khi K. Marx phân tích trên phương diện kinh tế thì tha hoá chỉ chế độ bóc lột lao động làm thuê, người công nhân trực tiếp làm ra sản phẩm.

Tha hoá, theo cách hiểu như vậy, có hai mặt. Mặt xấu phản lại bản chất tốt đẹp của con người. Nhưng theo một khía cạnh khác, xét một cách khách quan thì sự tha hoá cũng có mặt tốt, hợp lý, có vai trò tiến bộ. Ví như, khi quan hệ sản xuất còn phù hợp với lực lượng sản xuất thì bóc lột là động lực của sự phát triển kinh tế. Hoặc về bản chất, tôn giáo vẫn có mặt đạo đức phù hợp với bản chất của con người, với đạo đức XHCN hiện nay.

Tuy nhiên, như hiện nay, khái niệm tha hoá trong lĩnh vực đạo đức (tha hoá đạo đức, lối sống) thì hoàn toàn được hiểu theo nghĩa tiêu cực. Tha hoá đạo đức cũng là thoái hoá về phẩm chất người nhưng ở lĩnh vực xã hội, lối sống. Đó là khi chúng ta nói về những con người từ có đạo đức trở nên tha hoá nhân cách, tức từ khủng hoảng, sai lệch đến thoái hoá nhân cách. Sự tha hoá này chủ yếu về giá trị sống, lý tưởng sống, các phẩm chất đạo đức và lý trí. Từ lối sống và nhân cách người chuyển lại lối sống bản năng tầm thường, thậm chí thành kẻ chống lại cộng đồng, phá hoại chính loài của mình và chính bản thân mình.

Khủng hoảng nhân cách hay lệch nhân cách, loạn nhân cách là chỉ trạng thái mâu thuẫn đang có xu hướng chuyển thành tha hoá nhân cách. Một số người như nghiện ngập ma túy, mại dâm... thì thậm chí đã ở mức loạn nhân cách, lệch nhân cách và nếu không được

ngăn chặn, chữa trị kịp thời sẽ thành tha hoá nhân cách.

Nhìn khái quát, có thể thấy thực trạng tha hoá nhân cách ở Việt Nam hiện nay đang biểu hiện trên các lĩnh vực sau:

Tệ nạn mại dâm, ma túy:

- Thực trạng nghiện ngập ma túy đang ở mức báo động. Đối tượng chủ yếu là thanh thiếu niên, số lượng thì ngày một gia tăng, số tái nghiện sau cai là khá cao (80-90%). Đây là số người bị tổn thương nặng nề về não, thần kinh, tâm thần, gây ra sự lệch nhân cách, khủng hoảng nhân cách, mà muốn phục hồi phải mất một thời gian dài. Nếu thực trạng này không được ngăn chặn thì có thể sẽ hỏng cả một thế hệ và khủng hoảng bao nhiêu gia đình.

- Thực trạng mại dâm cũng đang là vấn đề khá nhức nhối. Nó không những làm gia tăng sự truyền nhiễm các căn bệnh thế kỷ mà còn tác động xấu đến đời sống hôn nhân, tình cảm gia đình, lòng chung thủy. Số mại dâm cũng tập trung chủ yếu ở giới trẻ. Nhiều gia đình tan nát cũng từ đây.

- Trộm cướp, giết người cũng là một căn bệnh đang gia tăng. Đó là biểu hiện dần mất nhân tính của một bộ phận thanh thiếu niên. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, nhưng nguyên nhân chính có lẽ là do ma túy, mại dâm, cờ bạc...

- Cờ bạc và ăn chơi cũng nảy sinh nhanh trong những năm gần đây. Vụ án Năm Cam và đồng bọn là minh chứng tiêu biểu cho thực trạng này.

Trên lĩnh vực kinh tế-xã hội, chính trị-xã hội:

- Tệ buôn lậu, kiếm tiền bằng bất cứ giá nào, hể lợi nhuận cao là lao vào như

thieu thân, trong đó trầm trọng nhất là buôn bán ma túy và buôn người.

- Tham nhũng – một loại bệnh trầm trọng mà những người vướng vào chính là biểu hiện của sự tha hoá nhân cách đến tột độ.

- Tệ quan liêu, hành dân, xa rời dân, không quan tâm đến đời sống nhân dân của không ít cán bộ chính quyền.

- Lãng phí tài sản quốc gia, sống xa hoa, trác táng.

Trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị:

- Tha hoá về lý tưởng, dao động lập trường tư tưởng về CNXH.

- Mất niềm tin ở CNXH, ở Đảng và chế độ ta.

- Một chiều ca ngợi chủ nghĩa tư bản, tô hồng con đường cải lương “xã hội dân chủ”.

Trên lĩnh vực văn hoá:

- Tệ mua bán bằng cấp.

- Tệ ăn cắp bản quyền.

- Tuyên truyền văn hoá phẩm độc hại.

- Cá độ bóng đá...

Chung quy lại là:

1, Kiếm tiền bằng bất cứ giá nào, bị kích động sống theo bản năng, thú tính. Tức là rơi vào trạng thái mà Phật gọi là tham, sân-si, trở lại nhu cầu do bản năng chi phối là chính;

2, Khủng hoảng giá trị sống, mất cả lý trí lành mạnh, thậm chí có trường hợp mất cả sức khoẻ, tính mạng. Do vậy không thích lao động, không lo học tập rèn luyện, chỉ thích ăn chơi, ham tiền bạc, ham địa vị, ham hưởng lạc, đề cao cái tôi một cách tuyệt đối.

Nguyên nhân sâu xa, chung cho tất cả các dạng tha hoá và khủng hoảng nhân cách nói trên là:

1, Tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập dẫn đến lối sống ích kỷ, thực dụng;

2, Những thói hư tật xấu cũ trở lại;

3, Cách thức quản lý xã hội và giáo dục chưa thật tốt, lỗi thời hoặc không thích hợp, nhiều kẽ hở;

4, Một bộ phận gia đình và tổ chức xã hội không có quan niệm sống đúng đắn, lười lao động, ham ăn chơi, coi tiền bạc cao hơn nhân phẩm, sống truy lạc, thiếu tình nghĩa;

5, Việc rèn luyện nhân cách trong môi trường xã hội và gia đình của không ít người kém, dẫn đến bản năng thắng nhân cách.

Tuy nhiên, không nên hiểu đơn giản về các nhân tố tác động đến sự tha hoá nhân cách, dù là hình thức tha hoá nào. Ở từng hình thức có thể có nguyên nhân chủ yếu nào đó.

Vấn đề có tính quy luật nhân quả chính là bản năng, môi trường và nhân cách. Môi trường tốt thì con người dễ tốt, môi trường xấu thì con người dễ lấy cái xấu, cái ác. Nhưng con người là động vật làm nên lịch sử của mình, biết cải tạo hoàn cảnh cho phù hợp với tính người. Con người có bản năng, nhưng bản năng đó không thuần túy động vật, tự nhiên mà luôn bị xã hội hoá, được xã hội hoá, văn hoá hoá. Phát huy bản chất, năng lực người chính là nhân tính, là văn hoá, là nhân cách.

Tha hoá nhân cách không chỉ gây tổn hại về kinh tế, xã hội mà cả về văn hoá, về con người, không chỉ trước mắt

và còn về lâu dài. Có thể dự báo nhận định, sự tha hoá còn gia tăng ở mặt này hay mặt khác, mức độ này hay mức độ khác. Mặt trái của kinh tế thị trường và toàn cầu hoá còn lớn theo tiến trình phát triển, thì thói hư tật xấu trong xã hội vẫn còn dất sống. Nhưng nếu chúng ta chủ động thay đổi, tìm ra các giải pháp đúng đắn về kinh tế, xã hội, tư tưởng, tổ chức, thể chế... thì có thể giảm thiểu tác hại và mức độ ảnh hưởng của nó. Tất nhiên, tùy theo từng đối tượng, từng hoàn cảnh và từng mức độ mà chúng ta có những giải pháp thích hợp. Có như thế mới phòng, chống và ngăn chặn được sự tha hoá nhân cách, lối sống, tha hoá đạo đức, tha hoá tư tưởng trong xã hội ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Triết học Mác-Lênin. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
2. Trần Quốc Vượng (chủ biên). Cơ sở văn hoá Việt Nam. H.: Giáo dục, 1997.
3. Phan Xuân Hiến, Hồ Bá Thâm (đồng chủ biên). Tâm lý học giáo dục nhân cách người cai nghiện ma túy, từ thực tế Thành phố Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
4. Trần Nhu, Hồ Bá Thâm (đồng chủ biên). Quản lý dạy nghề và giáo dục phục hồi nhân cách cho người sau cai nghiện, vấn đề và kinh nghiệm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Diễn đàn phát triển Việt Nam. H.: Lao động xã hội, 2008.
5. Trần Đức Thảo. Sự hình thành con người. H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.